TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/10/2019
V/v "Ly hôn, t/c về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Ông Phạm Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2019/QĐ-ST ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1976.

- Bị đơn: Chị Võ Thị V, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn anh T có mặt. Bị đơn chị V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:

Anh với chị Võ Thị V chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng với gia đình cha mẹ vợ, khoảng 03 năm sau thì cất nhà ra ở riêng. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Anh là giáo viên mỗi lần vợ chồng cãi nhau anh mong muốn nói chuyện nhẹ nhàng nhưng chị V thường làm lớn chuyện dẫn đến hàng xóm láng giềng đều biết. Anh là giáo viên, đi dạy ở trường thì chị V thường xuyên ghen anh với đồng nghiệp về nhà gây chuyện. Anh đã cố gắng nhường

nhìn và chịu đựng nhưng đến nay thì cảm thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên đã quyết định sống ly thân 02 năm nay. Trong thời gian sống ly thân anh cũng đã suy nghĩ kỹ và hiện nay tình cảm với chị V không còn, không thể hàn gắn lại được nên anh T yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T xin được ly hôn với chị Võ Thị V.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Yến L sinh ngày 10/12/1997 (đã trưởng thành) và Phan Thanh N sinh ngày 01/3/2007 hiện đang sống với chị V. Sau ly hôn anh T đồng ý để chị V tiếp tục nuôi con, không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn chị Võ Thị V: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị V nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay chị V vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Phan Văn T, từ khi thụ lý đến xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụn dân sự 2015.

Bị đơn chị Võ Thị V: Trong suốt quá trình giải quyết đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đưa ra xét xử là phù hợp.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T được ly hôn với chị Võ Thị V.

+ Về con chung: Giao con chung Phan Thanh N sinh ngày 01/3/2007 cho chị V trực tiếp chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn chị Võ Thị V có đăng ký thường trú tại ấp T, xã Mỹ P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[2] Bị đơn chị Võ Thị V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Anh Phan Văn T và chị Võ Thị V chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 quyển số 01 ngày 28/8/2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu của anh Phan Văn T, thấy: Vợ chồng anh T và chị V đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Anh T trình bày rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau nguyên nhân do khó khăn về kinh tế và cuộc sống thường ngày, chị V còn ghen tuông vô cớ anh T với đồng nghiệp làm anh mất uy tín dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng chị V vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh T để xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của anh T và chị V đều phù hợp với trình bày của anh T. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị V không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Văn T.

[5] Về quan hệ con chung, thấy: Qua chứng cứ anh T cung cấp thì anh T và chị V có 02 con chung tên Phan Thị Yến L sinh ngày 10/12/1997 (đã trưởng thành) và Phan Thanh N sinh ngày 01/3/2007. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì Vân là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mặt khác cháu Nhàn cũng mong muốn được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Phan Thanh N cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[6] Anh T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T được ly hôn với chị Võ Thị V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48 quyển số 01 ngày 28/8/2002 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Thanh N sinh ngày 01/3/2007.

Chị V phải tạo điều kiện cho anh T được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì canh Phan Văn T và chị Võ Thị V phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000329 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Anh Phan Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Võ Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cơ trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm